

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 136/2019/DS-PT

Ngày 08/8/2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Hoài Bình.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Ông Thiềm Quốc Khanh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Thị Hoàng Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Ông Lâm Thành Them – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 110/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 6 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*”.

Do bản án sơ thẩm số 32/2019/DS-ST ngày 07/5/2019 của Tòa án nhân dân quận N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 222/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đặng Kim N**; Địa chỉ: Ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: **Công ty Luật B**; Địa chỉ: 4, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh C – Giám đốc.

- Người kháng cáo: nguyên đơn bà **Đặng Kim N**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Tại đơn kiện và quá trình giải quyết – nguyên đơn bà Đặng Kim N trình bày:

Ngày 17/10/2016, bà có ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 37/HĐDVPL16 với Công ty Luật B (do ông Nguyễn Thanh C làm đại diện), theo hợp đồng, Luật sư Nguyễn Thanh C sẽ là Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà và chồng bà

là ông Tô Quý H (với tư cách là bị hại), trong vụ án “Cố ý gây thương tích” có bị cáo là Trần Tấn T tại cấp phúc thẩm do Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử. Theo bà N, do bản án sơ thẩm (TAND huyện C – tỉnh Hậu Giang) đã xét xử bị cáo Trần Tấn T quá nhẹ, không đủ sức răn đe nên bà đã kháng cáo lên cấp phúc thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm tăng hình phạt tù đối với bị cáo và buộc bị cáo phải tăng mức bồi thường cho bà. Bà thuê luật sư C bảo vệ và nói rõ mục đích như trên, luật sư C đồng ý ký hợp đồng và hứa hẹn với bà rằng sẽ cho bị cáo ở tù dài dài (sẽ làm cho bị cáo bị tăng hình phạt). Luật sư C đã nhận của bà thù lao vụ kiện tổng cộng là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), nhận làm 3 lần. Tuy nhiên, bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã tuyên trái ngược hoàn toàn với lời hứa của luật sư C – bị cáo Trần Tấn T chẳng những không bị tăng hình phạt mà thời hạn tù còn được giảm xuống 03 tháng, mức tiền bị cáo phải bồi thường cho bà thì giữ nguyên, không tăng giảm. Do luật sư không thực hiện được lời hứa theo hợp đồng dịch vụ đã ký nên nay bà có đơn khởi kiện yêu cầu Công ty Luật B – đại diện là luật sư Nguyễn Thanh C phải trả lại cho bà số tiền 10.000.000 đồng đã nhận.

Bị đơn Công ty Luật B (gọi tắt là Công ty Luật) – đại diện ông Nguyễn Thanh C trình bày tại Bản tự khai:

Xác định có ký 02 hợp đồng dịch vụ pháp lý số 26/HĐDVPL16 ngày 20/7/2016 và 37/HĐDVPL16 ngày 17/10/2016 với bà Đặng Kim N, theo đó công ty Luật sẽ cử luật sư để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho vợ chồng bà N tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm do Tòa án nhân dân huyện C và Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử. Chi phí tàu xe, thù lao được 2 bên thỏa thuận cho cả 02 hợp đồng trên (số 26 tại cấp sơ thẩm và 37 tại cấp phúc thẩm) là 8.000.000 đồng, ngoài ra công ty không nhận thêm chi phí nào khác, cũng không có hứa hẹn gì với bà N về nội dung vụ án. Khi vụ án kết thúc tại cấp phúc thẩm, bà N có đơn khiếu nại gửi đến Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ để yêu cầu ông trả lại số tiền 10.000.000 đồng, Ban chủ nhiệm Đoàn đã xem xét đơn và có công văn trả lời bà N về vấn đề bà khiếu nại là không có căn cứ. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà N, công ty không đồng ý vì 02 hợp đồng nêu trên công ty đã thực hiện xong, chỉ nhận số tiền thù lao là 8.000.000 đồng như đã ghi trong hợp đồng. Công ty Luật có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2019/DS-ST ngày 07/5/2019 của Tòa án nhân dân quận N tuyên xử như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Kim N về việc buộc bị đơn phải trả lại số tiền dịch vụ pháp lý là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, cũng như quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm ngày 08/5/2019 nguyên đơn bà Đặng Kim N có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đương sự và Tòa án các cấp thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung giải quyết vụ án: Hợp đồng dịch vụ là sự thỏa thuận của các bên, bên cung ứng dịch vụ thực hiện công việc cho bên thuê dịch vụ. Theo hợp đồng công ty Luật đã cử luật sư tham gia giai đoạn xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang như thỏa thuận trong hợp đồng. Số tiền thể hiện trong hợp đồng là 3.000.000đ và thanh toán khi ký hợp đồng, không phải như lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn không vi phạm hợp đồng. Nguyên đơn kháng cáo không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 giữ nguyên bản sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết là đúng theo khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Xét đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định và đúng quy định nên được xem xét và giải quyết. Bị đơn Công ty Luật – Có đại diện là ông Nguyễn Thanh C đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Đặng Kim N yêu cầu buộc ông Nguyễn Thanh C là người đại diện theo pháp luật của Công ty Luật trả lại cho bà số tiền 10.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Giữa nguyên đơn và công ty Luật có ký 02 hợp đồng dịch vụ số 26/HĐDVPL:16 ngày 20/7/2016 và 37/ HĐDVPL:16 ngày 17/10/2016 (viết tắt là

hợp đồng số 26 và hợp đồng số 37). Nguyên đơn khởi kiện cho rằng khi bà ký hợp đồng số 37, ông Nguyễn Thanh C đại diện cho công ty Luật có hứa hẹn với bà sẽ làm tăng nặng hình phạt cho bị cáo và tăng mức bồi thường thiệt hại cho bà khi xét xử ở cấp phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, nhưng sau khi xét xử ông C không làm được như lời hứa, nên bà yêu cầu ông C phải trả lại số tiền 10.000.000 đ là thù lao mà đã đưa ông C. Đại diện cho bị đơn ông Nguyễn Thanh C cho rằng Công ty Luật và ông đã thực hiện đúng theo nội dung hợp đồng đã ký kết và không có hứa hẹn gì như lời trình bày của nguyên đơn và chỉ nhận số tiền 3.000.000 đồng như đã thỏa thuận tại hợp đồng số 37, không có nhận 10.000.000 đồng như trình bày của nguyên đơn.

[3] Căn cứ khoản 1 Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự quy định quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn: *“Các quyền, nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70 của Bộ luật này”*. Căn cứ khoản 5 Điều 70 quy định quyền, nghĩa vụ của đương sự: *“Cung cấp tài liệu, chứng cứ; chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình”*

Với quy định trên thì nguyên đơn phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình. Tuy nhiên, suốt quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh việc ông C có hứa hẹn như nguyên đơn đã trình bày và có nhận 10.000.000 đồng của nguyên đơn. Xét nội dung của hợp đồng số 37 mà nguyên đơn khởi kiện cũng không có nội dung nào ghi nhận nghĩa vụ của bên A (Công ty luật) như lời trình bày của nguyên đơn, hợp đồng này cũng chỉ ghi nhận mức thù lao dịch vụ là 3.000.000 đồng không phải 10.000.000 đồng như nguyên đơn yêu cầu. Theo đó, các bên cũng đã hoàn tất hợp đồng, thực hiện các quyền và nghĩa vụ như nội dung của hợp đồng đã ký kết đúng theo qui định tại các Điều 513, 514, 515, 516, 517, 518 Bộ luật dân sự. Hơn nữa, việc quyết định hình phạt cũng như các vấn đề khác của vụ án thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử chứ không phải thẩm quyền của luật sư như cấp sơ thẩm nhận định là phù hợp. Từ những phân tích trên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Đặng Kim N. Căn cứ đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là có cơ sở.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí theo qui định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Đặng Kim N. Giữ y bản án sơ thẩm.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn Công ty Luật B phải trả số tiền dịch vụ pháp lý là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Đặng Kim N phải chịu 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng). Chuyển tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 004443 ngày 18/10/2017 thành án phí, nguyên đơn còn phải nộp thêm 200.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự quận N.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Đặng Kim N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp thành án phí theo biên lai thu số 000440 ngày 09/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận N, Tp Cần Thơ. Bà N không phải nộp thêm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận :**

- Dương sự;
- VKSNDTPCT;
- TAND Q. N;
- THA DS quận N;
- Lưu (2b).

(đã ký)

Trương Hoài Bình